

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2019/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 24 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy chế quản lý vật liệu nổ công nghiệp
trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1903/TTr-SCT ngày 16 tháng 10 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 11 năm 2019 và thay thế Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về quản lý vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng ban ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC
Đã ký: Mai Hùng Dũng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Quản lý vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND
ngày 24/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy chế này quy định về hoạt động vật liệu nổ công nghiệp (*sau đây viết tắt là VLNCN*), an toàn trong hoạt động VLNCN và trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương và tổ chức, cá nhân hoạt động VLNCN trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý Nhà nước và tham gia hoạt động VLNCN trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Quy chế này không áp dụng đối với các hoạt động VLNCN phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng và trong các trường hợp khẩn cấp theo quy định pháp luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ.

1. “*Giám sát ảnh hưởng nổ mìn*” là việc sử dụng các phương tiện, thiết bị để đo, phân tích và đánh giá mức độ chấn động, mức độ tác động sóng không khí do nổ mìn gây ra.

2. “*Ranh giới nổ mìn*” là vị trí giới hạn để phân định giữa khu vực được cơ quan có thẩm quyền cho phép tiến hành nổ mìn với khu vực không được phép tiến hành nổ mìn.

3. “*Góc dốc khai trường*” là góc dốc được tạo ra trong quá trình khoan nổ mìn theo từng lớp từ trên xuống dưới theo dạng bậc thang, về mặt hình học được xác định bởi đường xiên nối từ mép trên cùng của khai trường tới chân của lớp đáy khai trường và đường thẳng nằm ngang trên mặt phẳng thẳng đứng ở phía đáy của khai trường.

4. “*Nổ mìn tạo biên*” là phương pháp tổ chức thi công nổ mìn nhằm mục đích tạo ra sự ổn định của đất đá tại ranh giới nổ mìn, tránh các hiện tượng sạt lở, sụp đổ sau khi kết thúc các hoạt động nổ mìn tại khu vực được phép nổ mìn.

Điều 4. Yêu cầu chung đối với hoạt động VLNCN.

1. Giấy phép, Giấy chứng nhận của các tổ chức, cá nhân hoạt động VLNCN không có giá trị chuyển nhượng; bản chính phải được lưu giữ tại trụ sở chính theo đăng ký của tổ chức được cấp; lưu giữ bản chính hoặc bản sao các Giấy phép, Giấy chứng nhận và các hồ sơ có liên quan tại trụ sở nơi diễn ra các hoạt động VLNCN.

2. Tổ chức hoạt động VLNCN phải bảo quản, lưu trữ hồ sơ, sổ sách, chứng từ về hoạt động VLNCN theo quy định; phải thiết lập hệ thống tổ chức quản lý kỹ thuật an toàn; ban hành và niêm yết nội quy, quy định, quy trình bảo đảm an ninh, an toàn, phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ và bảo vệ môi trường; có biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn các quy định liên quan đến công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy.

3. Chỉ huy nổ mìn, thợ mìn hoặc người lao động làm công việc có liên quan trực tiếp đến VLNCN phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, sức khỏe; được bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ và sát hạch định kỳ theo quy định.

4. Tổ chức hoạt động VLNCN phải thực hiện đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn và xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp theo quy định tại Điều 15, Điều 17 Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

Chương II**QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH, BẢO QUẢN
VÀ VẬN CHUYỂN VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP****Điều 5. Quy định về kinh doanh VLNCN.**

1. Tổ chức kinh doanh VLNCN phải căn cứ theo đúng quy định trong giấy phép sử dụng VLNCN của tổ chức được phép sử dụng VLNCN để có kế hoạch cung cấp bảo đảm về số lượng, ổn định về chủng loại và chất lượng; được mua lại VLNCN của các tổ chức được phép sử dụng VLNCN không sử dụng hết.

2. Việc mua, bán VLNCN phải ký kết và thanh lý hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; tổ chức kinh doanh VLNCN phải cung cấp bản sao hợp đồng mua, bán hoặc thanh lý hợp đồng cho Sở Công Thương và Công an tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội) để kiểm tra, giám sát.

3. Việc kinh doanh VLNCN phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017 và theo Quy chế này.

Điều 6. Quy định về quản lý, bảo quản VLNCN.

1. Hệ thống thông tin liên lạc của kho bảo quản VLNCN phải đảm bảo liên lạc được 24/24 giờ với lãnh đạo đơn vị, cơ quan công an, chính quyền địa phương và Sở Công Thương; giữa các trạm gác phải trang bị bộ đàm liên lạc và camera quan sát được ngày, đêm.

2. Kho bảo quản VLNCN phải được bảo vệ nghiêm ngặt của lực lượng bảo vệ chuyên nghiệp, có vũ trang, được cấp giấy chứng nhận qua tập huấn an toàn trong bảo quản VLNCN, được cấp chứng chỉ sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ theo quy định.

3. Tại nơi tiến hành nổ mìn, VLNCN phải được canh gác, bảo vệ cho đến khi thực hiện xong việc nổ mìn. Người bảo vệ phải là thợ mìn hoặc công nhân đã được cấp giấy chứng nhận tập huấn về công tác an toàn trong bảo quản VLNCN.

4. Khi nạp xong thuốc nổ vào bãi mìn nhưng chưa đến giờ nổ mìn theo quy định, cần phải thực hiện các biện pháp an toàn:

a) Đối với nổ mìn vi sai điện: Không được phép đấu nối dây dẫn điện khởi nổ với mạng nổ của bãi mìn; đấu chập hai đầu dây đấu nối kíp của mạng nổ.

b) Đối với nổ mìn vi sai phi điện: Không được đấu kíp khởi nổ với mạng nổ của bãi mìn.

c) Phải bố trí người canh gác bãi mìn cho đến khi tiến hành khởi nổ.

5. Tổ chức sử dụng VLNCN không được lưu giữ VLNCN dư thừa tại công trường qua đêm sau khi đã kết thúc nổ mìn.

6. Kết thúc công việc nạp mìn nếu không sử dụng hết VLNCN, tổ chức sử dụng VLNCN phải chủ động phối hợp với đơn vị kinh doanh cung ứng để làm thủ tục vận chuyển VLNCN về kho để bảo quản; thủ tục vận chuyển VLNCN về kho do Công an tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội) có trách nhiệm hướng dẫn.

7. Quản lý, bảo quản VLNCN trong kho, trong quá trình vận chuyển và tại nơi sử dụng phải thực hiện đầy đủ theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và theo Quy chế này.

Điều 7. Quy định về vận chuyển và giao nhận VLNCN tại khai trường.

1. Tổ chức vận chuyển VLNCN phải thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 44 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017 .

2. Tổ chức vận chuyển VLNCN phải có giấy phép vận chuyển VLNCN do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 44 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017 .

3. Khi vận chuyển VLNCN phải đem theo đầy đủ các hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc vận chuyển và lý lịch lô hàng; phương tiện vận chuyển phải tuân thủ đúng lộ trình, tải xế và áp tải ghi trong giấy phép vận chuyển.

4. Tổ chức vận chuyển VLNCN phải tiến hành đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn trong vận chuyển, xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp; rà soát, cập nhật, phê duyệt kế hoạch ứng cứu khẩn cấp khi có sự thay đổi; tổ chức diễn tập xử lý các tình huống khẩn cấp định kỳ hàng năm phải có sự chứng kiến hoặc tham gia của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

5. Các tuyến đường được phép vận chuyển VLNCN trên địa bàn tỉnh được quy định tại Phụ lục I Quyết định này.

6. Việc giao nhận VLNCN tại khai trường phải đúng người chịu trách nhiệm theo quy định.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ SỬ DỤNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

Điều 8. Quy định về quản lý sử dụng VLNCN.

1. Tổ chức sử dụng VLNCN vào mục đích hoạt động khoáng sản, xây dựng công trình, công trình nghiên cứu, thử nghiệm phải có giấy phép sử dụng VLNCN do cơ quan có thẩm quyền cấp. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng VLNCN đối với tổ chức không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thực hiện theo quy định tại Điều 42 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

2. Tổ chức sử dụng VLNCN phải bổ nhiệm chỉ huy nổ mìn theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

3. Trong quá trình thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng VLNCN, Sở Công thương thẩm tra kiến thức về kỹ thuật sử dụng VLNCN của chỉ huy nổ mìn theo các tiêu chí tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

4. Người chỉ huy nổ mìn của tổ chức sử dụng VLNCN không thuê dịch vụ nổ mìn chỉ được giữ chức vụ chỉ huy nổ mìn tại một địa điểm tiến hành nổ mìn.

5. Chỉ huy nổ mìn của đơn vị thực hiện dịch vụ nổ mìn không được chỉ huy nổ mìn ở nhiều địa điểm khác nhau trong cùng một thời điểm và địa điểm nổ mìn của đơn vị không thuê dịch vụ nổ mìn.

6. Tổ chức sử dụng VLNCN phải thành lập đội nổ mìn chuyên nghiệp trừ trường hợp thuê dịch vụ nổ mìn; những người tham gia đội nổ mìn hoặc làm công việc có liên quan trực tiếp đến VLNCN phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với vị trí, chức trách đảm nhiệm.

7. Tổ chức sử dụng VLNCN chỉ được sử dụng khối lượng VLNCN tối đa ghi trong giấy phép và trong thời gian có hiệu lực của giấy phép do Sở Công thương cấp. Trường hợp tổ chức được Bộ Công Thương, Bộ Quốc phòng cấp giấy phép sử dụng VLNCN hoặc được Bộ Công Thương cấp giấy phép dịch vụ nổ mìn để hoạt động trên địa bàn tỉnh chỉ được sử dụng khối lượng VLNCN tối đa theo phương án nổ mìn đã được phê duyệt hoặc chấp thuận.

8. Tổ chức được Bộ Công Thương, Bộ Quốc phòng cấp giấy phép sử dụng VLNCN hoặc được Bộ Công Thương cấp giấy phép dịch vụ nổ mìn để hoạt động trên địa bàn tỉnh phải thông báo bằng văn bản tới Ủy ban nhân dân tỉnh ít nhất 10 ngày trước khi thực hiện các hoạt động trên địa bàn tỉnh theo giấy phép.

Điều 9. Quy định trong thi công khoan nổ mìn.

1. Trong quá trình thi công khoan, nổ mìn, tổ chức sử dụng VLNCN phải tuân thủ các thông số kỹ thuật của phương án nổ mìn hoặc thiết kế nổ mìn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận.

2. Tổ chức sử dụng VLNCN phải lập hộ chiếu khoan theo mẫu quy định tại Phụ lục II và nghiệm thu hộ chiếu khoan theo mẫu quy định tại Phụ lục III Quyết định này trước khi lập hộ chiếu nổ mìn.

3. Trong quá trình thi công nổ mìn: nạp thuốc, đấu nối hệ thống, canh gác, khởi nổ, xử lý các sự cố ... phải tuân thủ các yêu cầu an toàn nghiêm ngặt về vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ.

4. Máy nổ mìn phải được tiến hành kiểm định định kỳ theo quy định; trước khi nổ mìn phải kiểm tra khả năng phóng điện của máy; việc quản lý máy nổ mìn do chỉ huy nổ mìn chịu trách nhiệm.

5. Chỉ được sử dụng máy đo điện trở chuyên dùng phục vụ công tác nổ mìn, thực hiện kiểm tra, kiểm định an toàn định kỳ theo quy định.

6. Sau khi khởi nổ nhưng bãi mìn không nổ hoặc nổ không hoàn toàn, tổ chức sử dụng VLNCN phải lập biên bản trong đó ghi rõ nguyên nhân, có chữ ký của chỉ huy nổ mìn, người phụ trách an toàn về nổ mìn và thực hiện đầy đủ các yêu cầu an toàn như quy định về xử lý mìn câm. Trường hợp xác định có thể sử dụng thêm phương tiện nổ để tiếp tục khởi nổ bãi mìn, phải có sự đồng ý của Sở Công thương về phương án; sau đó, tổ chức sử dụng VLNCN phải liên hệ với đơn vị kinh doanh cung ứng và Công an tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội) để cấp giấy phép vận chuyển bổ sung.

7. Tổ chức sử dụng VLNCN phải có các giải pháp nổ mìn phù hợp để đảm bảo độ ổn định của góc dốc khai trường tại ranh giới nổ mìn và không được nổ mìn ngoài ranh giới được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

8. Hộ chiếu nổ mìn lập cho bãi mìn tại ranh giới nổ mìn phải ghi rõ hộ chiếu nổ mìn tạo biên để phân biệt với hộ chiếu nổ mìn tại các vị trí khác trên khai trường; hàng lỗ mìn tạo biên phải tiến hành khoan nghiêng; mẫu hộ chiếu nổ mìn tạo biên thực hiện theo mẫu tại Phụ lục IV Quyết định này.

9. Hộ chiếu nổ mìn tạo biên phải tính toán chi tiết khối lượng vật liệu nổ công nghiệp sử dụng cho từng lỗ mìn; khối lượng thuốc nổ tối đa cho một bãi mìn tạo biên không quá 1.000 kg và không quá 03 hàng lỗ khoan có đường kính từ 76 cm trở lên.

10. Tổ chức VLNCN để khai thác đá xây dựng được tiến hành nổ hai hay nhiều bãi mìn cùng ngày, trong diện tích đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khi đáp ứng điều kiện về khoảng cách giữa các bãi mìn từ 100 mét trở lên và thời gian khởi nổ các bãi mìn cách nhau từ 01 phút đến 03 phút.

11. Khu vực có nhiều tổ chức cùng hoạt động nổ mìn, các tổ chức sử dụng VLNCN trong khu vực phải có biên bản thỏa thuận, thống nhất trong cách tiến hành khởi nổ và canh gác.

12. Trước khi bắt đầu công tác nổ mìn, phải qui định ngay giới hạn của vùng nguy hiểm. Ở trên mặt đất phải cắm cờ đỏ để phân định giới hạn này. Phải đặt các trạm gác hoặc biển báo nguy hiểm “*Đang nổ mìn - Cấm vào*” ở giới hạn vùng nguy hiểm sao cho các ngã đường đi đến bãi mìn (bao gồm đường ô tô, đường mòn ...) đều phải được quan sát thường xuyên của người gác mìn.

13. Tổ chức sử dụng VLNCN phải trang bị phương tiện đảm bảo thông tin liên lạc được thông suốt trong quá trình thi công nổ mìn; trường hợp khu vực nổ mìn có nhiều mỏ cùng hoạt động nổ mìn phải trang bị hệ thống máy bộ đàm có cùng tần số.

Điều 10. Quy định về hiệu lệnh nổ mìn.

1. Tổ chức sử dụng VLNCN phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiến hành nổ mìn về các quy định cảnh báo nổ mìn, hiệu lệnh và thời gian tiến hành nổ mìn của đơn vị. Trong một khu vực có nhiều mỏ cùng hoạt động nổ mìn thì các quy định, hiệu lệnh phải được quy ước giống nhau.

2. Những quy định về biển cảnh báo nổ mìn, hiệu lệnh nổ mìn và thời gian nổ mìn của tổ chức phải được thông báo rộng rãi cho toàn thể cán bộ nhân viên trong mỏ, các đơn vị lân cận và dân cư sống xung quanh mỏ được biết.

3. Tín hiệu báo hiệu nổ mìn được thực hiện bằng còi hoặc gõ keng; âm thanh của còi báo hiệu hoặc keng báo hiệu phải đảm bảo mọi người trong bán kính nguy hiểm nghe rõ.

4. Các tổ chức không được tự ý thay đổi quy định, quy ước về hiệu lệnh nổ mìn.

Điều 11. Quy định về thời gian nổ mìn.

1. Thời gian được phép tiến hành nổ mìn trên địa bàn thị xã Dĩ An vào các ngày trong tuần trừ ngày thứ 7, Chủ nhật và những ngày nghỉ theo quy định tại Điều 12 Quy chế này; thời gian được phép tiến hành khởi nổ trong ngày từ lúc 11 giờ 30 phút đến 13 giờ 00 phút.

2. Thời gian được phép tiến hành nổ mìn trên địa bàn huyện Bắc Tân Uyên, huyện Phú Giáo và huyện Dầu Tiếng vào các ngày trong tuần trừ ngày Chủ nhật và những ngày nghỉ được quy định tại Điều 12 Quy chế này; thời gian được phép tiến hành khởi nổ trong ngày từ 11 giờ 00 phút đến 13 giờ 00 phút.

3. Trường hợp tổ chức sử dụng VLNCN không thể tiến hành khởi nổ vào thời gian theo quy định tại khoản 1, 2, Điều này, được tiến hành khởi nổ từ 16 giờ 30 đến 17 giờ 30 cùng ngày; việc khởi nổ vào thời điểm này chỉ được thực hiện khi đơn vị đã báo cáo và có ý kiến chấp thuận của Sở Công Thương sau khi thống nhất với Công an tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội) và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiến hành nổ mìn biết, đồng thời lập biên bản trong đó ghi rõ nguyên nhân, có chữ ký của chỉ huy nổ mìn, người phụ trách an toàn về nổ mìn và thực hiện đầy đủ các yêu cầu an toàn trong thực hiện tiến hành khởi nổ.

Điều 12. Quy định về thời gian không được tiến hành nổ mìn.

1. Trước ngày được nghỉ Tết âm lịch 07 ngày và sau ngày được nghỉ Tết âm lịch 05 ngày.
2. Trước ngày nghỉ Lễ theo quy định tại Bộ Luật Lao động (trừ Tết âm lịch) 02 ngày và sau ngày nghỉ Lễ 01 ngày.
3. Những trường hợp khác, Sở Công Thương hoặc Công an tỉnh có thông báo bằng văn bản.

Điều 13. Quy định về sử dụng VLNCN trên địa bàn thị xã Dĩ An.

1. Thuốc nổ công nghiệp được sử dụng gồm: Nhũ tương, Anfo.
2. Phụ kiện nổ được sử dụng những chủng loại sau:
 - a) Kíp nổ vi sai phi điện để nổ mìn phá đá nguyên khối;
 - b) Kíp nổ vi sai điện để phá đá quá cỡ, khối nổ bãi mìn sử dụng kíp vi sai phi điện và nổ mìn tạo biên;
 - c) Sử dụng các chủng loại mìn nổ được phép sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu;
 - d) Dây nổ chịu nước để sử dụng nổ mìn tạo biên.
3. Công tác phá đá quá cỡ phải tiến hành bằng máy đập hoặc nổ mìn lỗ khoan nhỏ; trường hợp sử dụng phương pháp nổ mìn để phá đá quá cỡ phải sử dụng kíp điện vi sai, lượng thuốc nổ tối đa cho một lỗ khoan không quá 0,2 kg, khối lượng thuốc nổ tối đa cho một bãi mìn không quá 05 kg.

Điều 14. Quy định về sử dụng VLNCN trên địa bàn huyện Bắc Tân Uyên, huyện Phú Giáo và huyện Dầu Tiếng.

1. Thuốc nổ công nghiệp được sử dụng là những chủng loại nằm trong Danh mục VLNCN Việt Nam được Bộ Công Thương ban hành.
2. Phụ kiện nổ được sử dụng như quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy chế này.
3. Công tác phá đá quá cỡ phải tiến hành bằng máy đập hoặc nổ mìn lỗ khoan nhỏ; trường hợp sử dụng phương pháp nổ mìn để phá đá quá cỡ phải sử dụng kíp điện vi sai, lượng thuốc nổ tối đa cho một lỗ khoan không quá 0,2 kg, khối lượng thuốc nổ tối đa cho một bãi mìn không quá 08 kg.

Điều 15. Quy định sử dụng VLNCN trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố khác trong tỉnh.

Tổ chức có nhu cầu sử dụng VLNCN vào mục đích hoạt động khoáng sản, xây dựng công trình, công trình nghiên cứu, thử nghiệm phải lập thủ tục xin phép sử dụng VLNCN theo quy định hiện hành. Hồ sơ được gửi về Sở Công Thương để xem xét, giải quyết đối với từng trường hợp cụ thể nếu có phát sinh.

Điều 16. Giám sát ảnh hưởng nổ mìn.

1. Tổ chức sử dụng VLNCN phải lập phương án và tổ chức thực hiện việc giám sát các ảnh hưởng do nổ mìn đối với công trình, đối tượng cần bảo vệ nằm trong phạm vi ảnh hưởng của nổ mìn theo quy định.

2. Chậm nhất 15 ngày trước khi nổ mìn, tổ chức sử dụng VLNCN phải gửi phương án giám sát ảnh hưởng do nổ mìn về Sở Công Thương để tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

3. Tổ chức sử dụng VLNCN khi tiến hành nổ mìn lần đầu tại địa điểm được cơ quan có thẩm quyền cho phép sử dụng VLNCN phải thực hiện giám sát ảnh hưởng nổ mìn để có cơ sở điều chỉnh lượng thuốc nổ tối đa trong một hộ chiếu nổ mìn và phương án nổ mìn.

4. Hoạt động giám sát các ảnh hưởng do nổ mìn phải được thực hiện bởi các tổ chức, cá nhân có chức năng và đủ năng lực thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Tổ chức sử dụng VLNCN để khai thác đá xây dựng hàng năm phải tiến hành giám sát các ảnh hưởng do nổ mìn tối thiểu 01 lần; kết quả giám sát được lập thành một báo cáo gửi cho Sở Công Thương để theo dõi, tổng hợp và các ngành chức năng có liên quan nếu có yêu cầu.

6. Bãi mìn tiến hành giám sát chấn động là bãi mìn có khối lượng thuốc nổ công nghiệp sử dụng lớn nhất trong phương án nổ mìn đã phê duyệt.

7. Để đảm bảo tính khách quan, việc giám sát ảnh hưởng nổ mìn định kỳ hàng năm được thực hiện khi có sự chứng kiến của đại diện Sở Công Thương; trường hợp giám sát chấn động nổ mìn do phát sinh khiếu kiện, mời thêm đại diện của các sở, ngành chức năng có liên quan, chính quyền địa phương và người khiếu kiện tham gia chứng kiến.

8. Việc chứng kiến của đại diện các sở, ngành chức năng có liên quan, chính quyền địa phương và người khiếu kiện phải đảm bảo đúng quy định về an toàn trong hoạt động VLNCN.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG VÀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG VLNCN

Điều 17. Trách nhiệm chung của các sở, ngành và địa phương.

1. Các sở, ngành thực hiện nhiệm vụ tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về VLNCN trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã theo chức năng quản lý địa phương có trách nhiệm quản lý VLNCN theo thẩm quyền.

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Công Thương.

Sở Công Thương là cơ quan chuyên môn đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về VLNCN trên địa bàn tỉnh, có nhiệm vụ:

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về VLNCN theo Điều 21 Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

2. Tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các quy định pháp luật, Quy chế này trong hoạt động VLNCN trên địa bàn tỉnh.

3. Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các quy định về hoạt động sử dụng VLNCN tại các khu vực, cụm xây dựng, khai thác tùy theo điều kiện đặc thù cụ thể của từng khu, cụm; xây dựng các đầu mối bảo quản, tuyến đường vận chuyển VLNCN; triển khai ứng dụng các phương pháp nổ mìn tiên tiến trong thi công nổ mìn; xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật trong sử dụng VLNCN theo điều kiện đặc thù cụ thể trên địa bàn tỉnh;

4. Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và thực hiện việc cấp mới, cấp lại, thu hồi giấy phép sử dụng VLNCN của tổ chức hoạt động VLNCN trên địa bàn tỉnh theo quy định.

5. Thực hiện việc tiếp nhận thông báo sử dụng VLNCN đối với các tổ chức có giấy phép sử dụng VLNCN, giấy phép dịch vụ nổ mìn do các cơ quan có thẩm quyền cấp tiến hành hoạt động sử dụng VLNCN trên địa bàn tỉnh.

6. Chủ trì việc tổ chức thực hiện phương án giám sát ảnh hưởng chấn động do nổ mìn của tổ chức sử dụng VLNCN trên địa bàn tỉnh.

7. Chủ trì kiểm tra, xác định địa điểm xây dựng kho VLNCN; thực hiện thẩm định hồ sơ thiết kế kho VLNCN và quản lý chất lượng công trình xây dựng liên quan đến bảo quản VLNCN trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng công trình.

8. Tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận kỹ thuật an toàn trong hoạt động VLNCN theo quy định tại Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

9. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch hàng năm tiến hành phối hợp các đơn vị chức năng có liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ hoạt động kinh doanh cung ứng, sử dụng VLNCN trên địa bàn tỉnh.

10. Tổng hợp báo cáo định kỳ 06 (sáu) tháng, hàng năm về tình hình quản lý kinh doanh và sử dụng VLNCN trên địa bàn tỉnh cho Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân tỉnh, trước ngày 05 tháng 7 đối với báo cáo sáu tháng và trước ngày 05 tháng 01 đối với báo cáo năm.

Điều 19. Trách nhiệm của Công an tỉnh.

1. Tiếp nhận hồ sơ và xem xét cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự để làm ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện cho các tổ chức sử dụng VLNCN trên địa bàn tỉnh trước khi Sở Công Thương cấp phép.

2. Thực hiện công tác hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định, điều kiện về an ninh, trật tự của các tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của ngành.

3. Tiếp nhận hồ sơ, xem xét cấp giấy phép vận chuyển, kiểm tra việc vận chuyển VLNCN của các tổ chức đủ điều kiện kinh doanh, vận chuyển VLNCN trên địa bàn tỉnh.

4. Tiếp nhận thông báo về việc bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy trước khi đưa vào sử dụng, tổ chức kiểm tra thực tế và lập biên bản kiểm tra xác nhận các nội dung cam kết đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy chữa cháy, kiểm tra việc thực hiện các quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của các tổ chức hoạt động VLNCN trên địa bàn tỉnh.

5. Phối hợp với Sở Công Thương trong việc khảo sát xác định địa điểm xây dựng kho VLNCN; thực hiện công tác thẩm duyệt, nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đối với các kho VLNCN theo quy định.

6. Phối hợp với Sở Công Thương trong việc thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

7. Chủ trì trong việc xử lý các vụ vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép VLNCN và các vi phạm khác theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường.

1. Tham gia thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các tổ chức hoạt động VLNCN để khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh khi được yêu cầu.

2. Tham gia kiểm tra, giám sát ảnh hưởng do nổ mìn của các tổ chức sử dụng VLNCN trên địa bàn tỉnh khi được yêu cầu.

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Xây dựng.

1. Phối hợp với Sở Công Thương thanh tra, kiểm tra các tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp vào mục đích khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh khi được yêu cầu.

2. Tham gia kiểm tra, giám sát ảnh hưởng do nổ mìn của các tổ chức sử dụng VLNCN vào mục đích khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh khi được yêu cầu.

Điều 22. Trách nhiệm của Sở Lao động Thương binh và Xã hội.

1. Quản lý nhà nước về an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với các tổ chức hoạt động VLNCN trên địa bàn tỉnh.

2. Phối hợp với Sở Công Thương thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động của các tổ chức hoạt động VLNCN trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Xử lý vi phạm về an toàn lao động, vệ sinh lao động của các tổ chức hoạt động VLNCN trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1. Thực hiện quy định tại điểm a khoản 4 Điều 19 Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

2. Chỉ đạo các cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân cấp xã, phường theo dõi, giám sát hoạt động VLNCN trên địa bàn.

3. Tham gia thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các tổ chức hoạt động VLNCN trên địa bàn do Sở Công Thương hoặc cơ quan cơ thẩm quyền chủ trì.

3. Tham gia xử lý sự cố và các vấn đề khác xảy ra có liên quan đến hoạt động VLNCN địa bàn.

4. Xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã.

1. Thực hiện quy định tại điểm a khoản 4 Điều 19 Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

2. Tham gia thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các hoạt động của tổ chức hoạt động VLNCN trên địa bàn do Sở Công Thương hoặc cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

3. Tham gia xử lý sự cố và các vấn đề khác xảy ra có liên quan đến hoạt động VLNCN trên địa bàn.

4. Tiếp nhận thông báo về các quy định cảnh báo nổ mìn, hiệu lệnh và thời gian tiến hành nổ mìn của tổ chức sử dụng VLNCN trên địa bàn và có trách nhiệm thông báo rộng rãi cho nhân dân địa phương được biết.

5. Xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

Điều 25. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân hoạt động VLNCN.

1. Thực hiện các biện pháp kỹ thuật theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy VLNCN; đảm bảo an toàn tuyệt đối trong quá trình hoạt động VLNCN.

2. Thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về VLNCN và các quy định của Quy chế này.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Xử lý vi phạm.

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các nội dung quy định tại Quy chế này và các quy định khác của pháp luật liên quan về VLNCN tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trường hợp gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây khó khăn, phiền hà cho tổ chức, doanh nghiệp hoạt động VLNCN; bao che cho tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về hoạt động VLNCN hoặc thiếu trách nhiệm để xảy ra hậu quả nghiêm trọng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Tổ chức thực hiện.

1. Giám đốc các Sở; Thủ trưởng ban ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, địa phương tổ chức phổ biến và triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân hoạt động VLNCN phải nghiêm chỉnh thực hiện Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Trong quá trình thực hiện, Sở Công Thương có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến, các khó khăn, vướng mắc để tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm tình hình hoạt động VLNCN trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC
Đã ký: Mai Hùng Dũng

Phụ lục I
CÁC TUYẾN ĐƯỜNG ĐƯỢC PHÉP VẬN CHUYỂN VẬT LIỆU NỖ
CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG	
		Từ	Đến
1	ĐT 743C	Quốc lộ 1 (Cầu Đồng Nai)	Quốc lộ 13 (Ngã tư Cầu Ông Bó)
2	Quốc lộ 13	Ngã tư Cầu Ông Bó	Cầu Vĩnh Bình
3	Quốc lộ 1K	Ranh tỉnh Đồng Nai	Ranh Tp HCM
4	Đường Lê Hồng Phong, đường Bùi Thị Xuân	ĐT 743 (Ngã sáu An Phú)	ĐT 743C (Ngã ba Cây Diệp)
5	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Lê Hồng Phong (Ngã tư Đông Chiêu)	Tân Bình, Tân Hạnh (Đi tỉnh Đồng Nai)
6	Đường Bình Thung	ĐT 743C, Quốc lộ 1K	Mỏ đá Núi Nhỏ
7	ĐT 743	Cầu Ông Tiếp	Ngã tư Miếu Ông Cù - Ngã Tư 550
8	Đường liên huyện	Ngã sáu An Phú	ĐT 743 (Tân Ba)
9	ĐT 747	ĐT 743 (Ngã ba Tân Ba)	Ngã ba Cống Xanh
10	ĐT 747B	ĐT 743 (Ngã tư Miếu Ông Cù)	ĐT 747
11	ĐH 406	Ngã ba Khánh Vân	ĐT 747
12	ĐT 746	ĐH 407	ĐT 747B (Vòng xoay cây xăng Kim Hăng)
13	ĐT 746	Ngã ba Huyện đội	ĐT 747 (Ngã ba Tân Lập)
14	ĐH 407	ĐT 746	ĐT 742
15	ĐT 742	ĐH 407	Ngã ba Cống Xanh
16	ĐH 409	ĐT 747B (KCN Nam Tân Uyên)	ĐH 410
17	ĐH 410	ĐT 742	ĐT 747
18	ĐH 411	Ngã ba Huyện Đội	Ngã ba Tân Thành
19	ĐH 412	ĐH 411	ĐT 747
20	ĐH 413	ĐT 746 (Cầu Rạch Rớ)	Sở Chuối - Ngã ba Lạc An

21	ĐH 414	ĐH 411	ĐT 746 (Cầu Thủ Biên)
22	ĐH 415	Ngã ba đập Đá Bàn	ĐT 746 (Tân Định)
23	ĐH 416	Ngã ba Tân Định	Trũng Cây Sòng Bé (Phú Giáo)
24	ĐT 741	Ngã ba Cống Xanh	Ranh giáp Bình Phước
25	ĐT 750	ĐT 741	Dầu Tiếng
26	ĐH 501, ĐH 502	Ngã ba Nước Vàng	Mỏ đá Rạch Rạt
27	Đường vào kho VLNCN Thường Tân	ĐT 746	Kho VLNCN Thường Tân
28	ĐT 746	Thường Tân	Tân Định
29	ĐH 416	Tân Định	Ngã tư Nông trường cao su Nhà Nai
30	Đường qua cầu Tam Lập	ĐH 416	Ngã ba ĐH 502
31	ĐH 502	Ngã ba đường qua cầu Tam Lập	Ngã ba giao ĐH 501
32	Quốc lộ 13	Ngã ba Bến Cát	Đi tỉnh Bình Phước
33	ĐH 612	Quốc lộ 13	ĐT 741 (Ngã ba Bồ Lá)
34	ĐT 749	Cầu Quan	Xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng
35	ĐT 749B	Xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng	Đi tỉnh Bình Phước, đi tỉnh Tây Ninh
36	ĐT 744	ĐT 750	ĐT 749 B
37	Đường Mỹ Phước – Tân Vạn	Ngã ba Tân Vạn	ĐT 741

Phụ lục II**MẪU HỘ CHIẾU KHOAN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Tên cơ quan chủ quản trực tiếp
(Tên đơn vị thực hiện)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘ CHIẾU KHOAN

Số:/...(tháng)/20... (năm)/HCK

I. ĐỊA ĐIỂM:

1. Địa điểm khai trường:
2. Vị trí bãi khoan:

II. LOẠI ĐẤT ĐÁ: Đất đá loại :

1. Độ cứng: $f =$
2. Xác nhận của phụ trách địa chất: Ký tên..... Họ và tên:

III. THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Thời gian bàn giao nhiệm vụ khoan: vào lúc ... giờ ... phút, ngày .../.../20...
2. Thời gian dự kiến hoàn thành: ngày .../.../20...

IV. THÔNG SỐ BÃI KHOAN:

STT	Lỗ khoan	H (mét)	D _{LK} (mm)	L _K (mét)	Khoảng cách (mét)		
					a	b	W
1	LK1						
2	LK2						
3	LK3						
...	...						
Tổng hợp	Tổng số lỗ khoan	H	D _{LK}	Tổng số mét	a _{tb} (Trung bình)	b _{tb} (Trung bình)	W _{tb} (Trung bình)

V. SƠ ĐỒ BÃI KHOAN:

Sơ đồ bãi khoan

Mặt cắt lỗ khoan

PHỤ TRÁCH KHOAN

(ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP

(ký, ghi rõ họ tên)

CHỈ HUY NỔ Mìn

(ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục III**MẪU BIÊN BẢN NGHIỆM THU HỘ CHIẾU KHOAN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 24/10 /2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Tên cơ quan chủ quản trực tiếp
(Tên đơn vị thực hiện)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HỘ CHIẾU KHOAN

Số:/...(tháng)/20.... (năm)/HCK

I. THỜI GIAN: vào lúc ngày ... tháng ... năm 20...

II. ĐỊA ĐIỂM:

III. THÀNH PHẦN THAM DỰ:

- Ông, Chức vụ: Chỉ huy nổ mìn
- Ông, Cán bộ kỹ thuật lập Hộ chiếu khoan
- Ông, Phụ trách công tác thi công khoan

Cùng tiến hành nghiệm thu Hộ chiếu khoan số:/.../ 20.../(Viết tắt địa điểm khai trường)/HCK.

IV. KẾT QUẢ:

- Thời điểm bàn giao hộ chiếu khoan:
- Ngày hoàn thành theo kế hoạch:
- Ngày bắt đầu khoan:
- Ngày hoàn thành thực tế: ; Sớm (Trễ): ngày.
- Đường kính khoan (D_{LK}): m; Chiều cao tầng (H): m;
- So sánh giữa các thông số giữa thực tế khoan và hộ chiếu khoan:

STT	Lỗ khoan	$L_K(T. \text{tế})/$ $L_K(K. \text{hoạch})$ (m)	Khoảng cách theo Thực tế /Kế hoạch (m)			Ghi chú
			a	b	W	
1	LK1					
2	LK2					
3	LK3					
...	...					
Tổng hợp						

- Tổng số lỗ khoan (Thực tế/Kế hoạch):
- Tổng số mét khoan (Thực tế/Kế hoạch):
- Lý do thay đổi về số lỗ khoan thực tế:
- Lý do thay đổi về số mét khoan thực tế:
- Những thay đổi về điều kiện địa chất phát hiện khi khoan:
- Những lỗ khoan cần lưu ý khi thi công nổ mìn:

13. Những vấn đề khác (nếu có):

Sơ đồ bãi khoan:

Mặt cắt lỗ khoan

PHỤ TRÁCH KHOAN

NGƯỜI LẬP

CHỈ HUY NỔ Mìn

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục IV

MẪU HỘ CHIẾU NỔ MÌN TẠO BIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Tên cơ quan chủ quản trực tiếp
(Tên đơn vị thực hiện)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘ CHIẾU NỔ MÌN

(Tạo Biên)

Số:/... (tháng)/ 20... (năm)/HCNM

I. ĐỊA ĐIỂM NỔ MÌN:

II. THỜI ĐIỂM LẬP HỘ CHIẾU: Ngày..... tháng năm 20...

III. THỜI ĐIỂM NỔ MÌN: Nổ mìn vào hồi : ...h..... phút ngày.... tháng.... năm 20...

IV. LOẠI ĐẤT ĐÁ: Đất đá loại :

Độ cứng: f =

Xác nhận của phụ trách địa chất: Ký tên..... Họ và tên.....

V. THÔNG SỐ BÃI NỔ:

Từ lỗ số đến lỗ số	H (mét)	D _{LK} (mm)	L _K (mét)	Khoảng cách (mét)			Tổng số lỗ	L _{Bua} (mét)	Tổng số mét khoan của lỗ có đường kính (mét)
				a	b	W			

VI. CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT:

- Chỉ tiêu thuốc nổ kỳ trước (q_{tt};kg/m khoan sâu).....
- Chỉ tiêu thuốc nổ tính toán (q_{TT}; kg/m khoan sâu) với đường kính lỗ khoan:.....
- Suất phá đá (N; m³/m khoan sâu) với đường kính lỗ khoan:.....
- Vật liệu nổ yêu cầu của bãi nổ:

THUỐC NỔ (Kg)			KÍP NỔ (Cái)										MÔI NỔ (Quá)	DÂY NỔ (Mét)	PHỤ KIỆN NỔ KHÁC	
Anfo	Nhũ tương	Thuốc nổ khác	Kíp nổ vi sai điện													
			Số 1	Số 2	Số 3	Số 4	Số 5	Số 6	Số 7	Số 8	Số 9	Số 10			
			Tổng số kíp vi sai điện (Nổ mìn vi sai điện)													
			(Hoặc Kíp vi sai phi điện)										Kíp nổ khác (Cái)			
			Kíp trên mặt 6m			Kíp xuống lỗ 400ms										
			17ms	25ms	42ms	6m	8m	10m	12m	15m	18m	22m				
			Tổng kíp trên mặt ...			Tổng kíp xuống lỗ ...										
...	Tổng số kíp phi điện (Nổ mìn vi sai phi điện)										

VII. PHÂN TÍNH TOÁN VÀ LƯỢNG VLNCN SỬ DỤNG THỰC TẾ: (Tính toán chi tiết cho từng lỗ mìn)

Stt	H _(m)	L _(m) Thực tế	Khoảng cách (m)			Thể tích lỗ V (m ³)	Chỉ tiêu q(kg/m)	Q _{kg}	VLNCN thực tế			L _{Bua} (m)
			a	b	W				Thuốc nổ	Môi	Kíp	

- Tổng lượng đá phá ra: (V =(m³)
- Tổng lượng thuốc nổ các loại: (Q =(kg)
- Tính toán dòng điện qua kíp đảm bảo I ≥ 1,3A với dòng 1 chiều, I ≥ 2,5A (Nếu nổ mìn điện).....

VIII. SƠ ĐỒ KHỞI ĐỘNG BÃI NỔ (SƠ ĐỒ ĐẦU) VÀ MẶT CẮT QUA CÁC LỖ KHOAN NẠP THUỐC:

Sơ đồ nổ mìn tạo biên Mặt cắt lỗ khoan

IX. QUY ĐỊNH HIỆU LỆNH NỔ Mìn:

- Tín hiệu bắt đầu nạp mìn.....
- Tín hiệu chuẩn bị nổ mìn.....
- Tín hiệu nổ mìn
- Tín hiệu báo yên.....

X. KHOẢNG CÁCH AN TOÀN:

- Khoảng cách từ công trình hiện hữu gần nhất đến bãi nổ.....(mét)
- Khoảng cách từ thiết bị không thể di chuyển được đến bãi nổ.....(mét)
- Chọn khoảng cách an toàn cho người: R(Người)
- Chọn khoảng cách an toàn cho công trình và thiết bị: R(TB)

XI. THUỐC NỔ VÀ PHỤ KIỆN:

Thực tế tiêu thụ	Thừa trả về kho
Thuốc nổ:.....	Thuốc nổ:.....
.....
.....
Phụ kiện nổ:.....	Phụ kiện nổ:.....
.....
.....

XII. PHÂN CÔNG NHÂN SỰ THI CÔNG BÃI NỔ:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổ, Đội	Nạp từ lỗ số	$L_b(m)$	Ký nhận

XIII. SƠ ĐỒ BỐ TRÍ GÁC, NƠI ẦM NẬP, DI CHUYỂN MÁY:

(Phải thể hiện các khoảng cách từ trạm gác, các công trình, nằm trong vùng nguy hiểm và vị trí điểm hỏa tới bãi nổ, các thiết bị phải di chuyển ra khỏi vùng bán kính nguy hiểm. Đảm bảo người, thiết bị di chuyển khỏi bán kính nguy hiểm và cắt điện trước giờ nổ 20 phút).

XIV. PHÂN CÔNG GÁC MÌN:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổ, Đội	Trạm gác số	Ký nhận

XV. KẾT QUẢ NỔ MÌN: (Chỉ huy nổ mìn kiểm tra bãi nổ và ghi lại kết quả nổ mìn)

.....

Vụ nổ kết thúc vào lúc ngày..... tháng....năm 20...

**NGƯỜI LẬP
HỘ CHIẾU**
(ký, ghi rõ họ tên)

**PHỤ TRÁCH
AN TOÀN**
(ký, ghi rõ họ tên)

CHỈ HUY NỔ MÌN
(ký, ghi rõ họ tên)

**LÃNH ĐẠO DOANH
NGHIỆP DUYỆT**
(ký tên, đóng dấu)